**Phê duyệt khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

**Trình tự thực hiện:**

- Chủ rừng hoặc tổ chức, cá nhân khai thác (trong trường hợp tổ chức, cá nhân khai thác không phải là chủ rừng) nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua bưu điện tới Trung tâm tỉnh Đăk Nông (TTHCC) theo địa chỉ: Tòa nhà Trung tâm Hội nghị tỉnh, số 01 đường Điểu Ong, phường Nghĩa Trung, thị xã Gia Nghĩa) hoặc dịch vụ công trực tuyến

([http://dichvucong.daknong.gov.vn](http://motcua.daknong.gov.vn));

- Thời gian tiếp nhận hồ sơ: Giờ hành chính từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần (trừ các ngày nghỉ lễ, tết theo quy định).

- Nếu hồ sơ đầy đủ theo quy định thì tiếp nhận và viết Phiếu biên nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả (theo mẫu).

- Nếu hồ sơ còn thiếu, chưa đúng quy định thì hướng dẫn người nộp hồ sơ bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo đúng quy định (theo Mẫu).

- Nếu hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết thì hướng dẫn người nộp hồ sơ đến cơ quan có thẩm quyền theo quy định (theo Mẫu).

- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc kể từ lúc nhận hồ sơ hợp lệ, Trung tâm Hành chính công tỉnh Đăk Nông chuyển hồ sơ về Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN).

**Bước 2.** Trong thời hạn 1 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) có trách nhiệm kiểm tra thành phần, nội dung chủ yếu trong hồ sơ:

- Trường hợp hồ sơ hợp lệ, thực hiện sang bước 3.

- Trường hợp hồ sơ không hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm thông báo hoặc hướng dẫn bằng văn bản gửi Trung tâm Hành chính công tỉnh Đăk Nông.

- Trong thời hạn 0,5 ngày làm việc TTHCC thông báo cho tổ chức, cá nhân điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện hồ sơ theo quy định (không tính vào thời gian giải quyết thủ tục hành chính).

**Bước 3.** Sau khi nhận hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Chi cục Kiểm lâm (Phòng Quản lý bảo vệ rừng và BTTN) tổ chức thẩm định hồ sơ.

Thời gian: 2,5 ngày làm việc

Hội đồng thẩm định gồm đại diện: Chi cục Kiểm lâm, Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân huyện, thị xã nơi khai thác. Trường hợp cần thiết, Chi cục Kiểm lâm mời thêm các tổ chức, cá nhân khác. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm là Chủ tịch Hội đồng;

**Bước 4.** Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét, đánh giá phương án khai thác và lập biên bản thẩm định phương án khai thác;

Thời gian: 03 ngày làm việc,

**Bước 5.** Sau khi nhận được biên bản thẩm định, Chi cục Kiểm lâm phê duyệt phương án khai thác khi có tối thiểu 2/3 thành viên Hội đồng thẩm định đồng ý, gửi kết quả cho tổ chức, cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản đối với trường hợp không phê duyệt và nêu rõ lý do.

Thời gian: 01 ngày làm việc

**Bước 6:** Sau khi nhận được kết quả từChi cục Kiểm lâm; Trung tâm hành chính công có trách nhiệm liên hệ, trả kết quả cho cá nhân, tổ chức theo các hình thức sau:

- Trả trực tiếp cho tổ chức, cá nhân tại Trung tâm hành chính công.

- Trả kết quả qua đường bưu chính theo đề nghị của tổ chức, cá nhân (phí dịch vụ bưu chính do tổ chức, cá nhân chi trả).

**Cách thức thực hiện:**Tổ chức, cá nhân nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện hoặc qua dịch vụ bưu chính công ích.

**Thành phần, số lượng hồ sơ:**

- Thành phần hồ sơ: Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

**Thời hạn giải quyết:** 08 ngày làm việc.

- Trung tâm Hành chính công: 0,5 ngày làm việc

- Chi cục Kiểm lâm: 7,5 ngày làm việc

**Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Chủ rừng hoặc cá nhân, tổ chức khai thác (trong trường hợp cá nhân, tổ chức khai thác không phải là chủ rừng).

**Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:** Chi cục Kiểm lâm.

**Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Phê duyệt hoặc từ chối phê duyệt phương án khai thác.

**Phí, lệ phí (nếu có):** không

**Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Có

- Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên theo Mẫu số 09 ban hành kèm theo Thông tư số 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018.

**Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:** Điều 11 Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản.

**Mẫu số 09. Phương án khai thác động vật rừng thông thường từ tự nhiên**

*(Ban hành kèm theo Thông tư 27/2018/TT-BNNPTNT ngày 16 /12/2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý, truy xuất nguồn gốc lâm sản)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC**

**ĐỘNG VẬT RỪNG THÔNG THƯỜNG TỪ TỰ NHIÊN**

**1. THÔNG TIN VỀ CHỦ RỪNG:**

**1. Tên và địa chỉ**

- Tổ chức: tên đầy đủ; địa chỉ; điện thoại liên hệ; số giấy phép đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc quyết định thành lập; ngày cấp, nơi cấp.

- Cá nhân: họ và tên; địa chỉ thường trú; số điện thoại liên hệ; số chứng minh nhân dân/ hộ chiếu/thẻ căn cước; ngày cấp, nơi cấp.

Trường hợp chủ rừng liên kết với tổ chức, cá nhân khác để khai thác, đề nghị nêu rõ:

- Tổ chức: tên đầy đủ, địa chỉ, điện thoại, số giấy phép đăng ký kinh doanh, ngày cấp, nơi cấp.

- Cá nhân: họ và tên, địa chỉ thường trú, điện thoại, số giấy chứng minh nhân dân, ngày cấp, nơi cấp.

**2. Giới thiệu chung:**

Giới thiệu về chức năng, nhiệm vụ, lịch sử hình thành, quá trình thực hiện các hoạt động có liên quan, ...

**3. Mục đích khai thác:**

**II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC KHAI THÁC**

**1. Tổng quan chung khu vực khai thác**

a) Điều kiện tự nhiên (địa hình, khí hậu, thủy văn), kinh tế, xã hội.

b) Hiện trạng rừng (kiểu rừng, diện tích), khu hệ động vật, thực vật của khu vực:

- Kiểu rừng (rừng thường xanh, rừng rụng lá ….), chất lượng rừng (rừng giầu, rừng trung bình, rừng nghèo …), diện tích từng kiểu rừng.

- Rừng theo phân loại rừng quy định tại Điều 5 Luật Lâm nghiệp 2017.

- Tổng diện tích đất không có rừng.

**2. Mô tả hiện trạng của địa điểm đề nghị khai thác:**

a) Vị trí khu vực khai thác: thuộc lô: … , khoảnh: … , tiểu khu: …

b) Ranh giới: mô tả rõ ranh giới tự nhiên, kèm bản đồ khu khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000

c) Diện tích khu vực khai thác:

d) Tên chủ rừng: địa chỉ, số giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hoặc quyết định giao, cho thuê đất rừng (trường hợp có 2 chủ rừng trở lên thì lập bảng kèm theo).

đ) Loại rừng/hệ sinh thái khu vực khai thác:

**3. Loài đề nghị khai thác**

a) Mô tả về loài:

- Đặc tính sinh học của loài.

- Độ tuổi sinh sản và mùa sinh sản.

b) Mô tả hiện trạng của loài tại khu vực đề nghị khai thác:

- Kích thước quần thể, phân bố theo sinh cảnh, mật độ/trữ lượng; tăng trưởng số lượng (số lượng sinh sản trung bình hàng năm, tỷ lệ sống sót).

- Số lượng con trưởng thành (số con cái và đực).

- Số lượng con non (số con đực và cái nếu phân biệt được).

- Số lượng con già (không còn khả năng sinh sản).

- Đánh giá sự biến đổi của quần thể sau khi khai thác trong thời gian tới.

c) Tài liệu kèm theo:

- Bản đồ điều tra, phân bố loài đề nghị khai thác tỷ lệ 1/5.000 hoặc 1/10.000.

- Các tài liệu khác nếu có.

**4. Phương án khai thác** a) Loài đề nghị khai thác:

- Tên loài (gồm tên thông thường và tên khoa học).

- Loại mẫu vật khai thác.

- Số lượng (tổng số lượng) và đơn vị tính.

- Tổng số lượng cá thể đực, số lượng cá thể cái.

- Độ tuổi (con non, con trưởng thành).

Trường hợp khai thác nhiều loài, các thông tin nêu trên phải được mô tả cụ thể cho từng loài.

b) Thời gian khai thác: từ ngày … tháng … năm …đến ngày … tháng … năm … (tối đa không quá 03 tháng).

c) Phương pháp khai thác:

- Phương tiện, công cụ sử dụng trong khai thác: tên, số lượng …

- Phương thức khai thác (săn, bắn, bẫy, lưới,...).

- Phương thức khác.

d) Danh sách những người thực hiện khai thác

|  |  |
| --- | --- |
|  | …….., *ngày……. tháng …… năm*  **CHỦ RỪNG**  *(ký ghi rõ họ tên, đóng dấu nếu là tổ chức)* |

**PHÊ DUYỆT CỦA CHI CỤC KIỂM LÂM SỞ TẠI**

....................................................................................................................................*…….., ngày……. tháng …… năm ….*